

Bản án số: 577/2026/HS-PT
Ngày 24-7-2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Vui

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Thành Hiếu

Ông Trần Minh Bắc

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Quang Trung – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nghiêm Thị Lan Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 359/2026/TLPT-HS ngày 11 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo **Lâm Thanh Q**, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 82/2026/HS-ST ngày 03 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3766/2026/QĐXXPT-HS ngày 8 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10183/2026/HSPT-QĐ ngày 25 tháng 6 năm 2026.

Bị cáo có kháng cáo: **Lâm Thanh Q**, sinh ngày 30 tháng 11 năm 1958 tại Q; Nơi thường trú: 528/2/13, Tổ I, khu phố A, phường T, tỉnh Đồng Nai và nơi ở: 533/17/24 Bùi Hữu N, khu phố B, phường B, thành phố Đ; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông Lâm R (đã chết) và bà Đoàn Thị N1 (đã chết); bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có ba người con; Vợ là bà Phạm Thị Thúy H; Có 02 con; Tiền án, Tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 38/2007/HSST ngày 18/7/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh K (nay là tỉnh Q1), đã tuyên phạt Lâm Thanh Q 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”;

Bị cáo bị bắt, tạm giam kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025 đến ngày 17 tháng 12 năm 2025 chuyển sang biện pháp ngăn chặn bảo lãnh kể từ ngày 17/12/2025 theo Quyết định về việc bảo lãnh số: H9511/QĐ ngày 17/12/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn

chặn tạm hoãn xuất cảnh theo Quyết định tạm hoãn xuất cảnh số: 95/2026/HSST-THXC ngày 03/4/2026 và cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 95/2026/HSST-LCĐKNCT ngày 03/4/2026 (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không kháng cáo và không liên quan đến nội dung kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lâm Thanh Q là cán bộ của Ban Quản lý dự án các công trình điện M thuộc Tổng Công ty T1. Vào tháng 02/2017, Q được phân công tham gia công tác giải phóng mặt bằng, đền bù cho dự án “đường dây điện 200KV P - P” tại thành phố B và huyện T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ). Quá trình làm công tác giải phóng mặt bằng tại xã T, huyện T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), Q quen biết và nhận được sự tin tưởng của người dân trong diện được đền bù giải phóng mặt bằng của dự án. Trong thời gian từ tháng 4/2017 đến tháng 6/2017 Q đã vay tiền của nhiều người sau đó sử dụng vào việc trả nợ cờ bạc và chơi lô đề dẫn đến không có khả năng chi trả rồi bỏ trốn, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng tháng 04/2017, Q đến nhà ông Lê Văn P là trưởng thôn Phước L hỏi vay của ông P số tiền 25.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân thì ông P đồng ý và đưa tiền cho Q vay. Sau khi, nhận được tiền Q sử dụng để trả nợ cờ bạc và chơi lô đề thua hết.

Lần thứ hai: Khoảng tháng 04/2017, Q đến nhà ông Hồ Văn X hỏi vay của ông X số tiền 50.000.000 đồng thì ông X đồng ý. Q và ông X lập giấy vay nợ tiền với nội dung Q nợ ông X số tiền 50.000.000 đồng và hẹn đến ngày 30/6/2017 sẽ trả lại. Sau khi mượn được số tiền trên, Q sử dụng trả tiền nợ cờ bạc và tiếp tục chơi lô đề thua hết.

Lần thứ ba: Đến ngày 16/5/2017, vợ chồng bà Nguyễn Thị N2 và chồng là ông Trần Hữu P1 (hiện ông P1 đã chết) đến nhà ông Nguyễn Thành T, gặp Q để trao đổi mức giá đền bù giải phóng mặt bằng đất của vợ chồng bà N2 và ông P1. Tại đây, Q đã hỏi vay của vợ chồng bà N2, ông P1 số tiền 25.000.000 đồng để giải quyết việc riêng và hứa hẹn đến ngày 30/7/2025 sẽ trả lại thì bà N2 và ông P1 đồng ý. Q lập giấy vay nợ tiền với bà N2 và ông P1 và được ông T làm chứng. Sau khi nhận được tiền của bà N2 và ông P1, Q sử dụng tiền để trả tiền nợ cờ bạc và đánh lô đề thua hết.

Lần thứ tư: Vào khoảng tháng 06/2017, Q đến nhà ông Nguyễn Thành T hỏi vay của ông T số tiền 20.000.000 đồng với lý do đang kẹt tiền và hứa hẹn sau 07

đến 10 ngày sẽ trả lại thì ông T đồng ý và đưa tiền cho Q. Sau khi mượn được số tiền trên, Q sử dụng trả tiền nợ cờ bạc và tiếp tục chơi lô đề thua hết.

Sau khi dự án kết thúc, Q cắt đứt liên lạc với những người mà Q mượn tiền rồi bỏ trốn khỏi địa phương.

Ngày 20/8/2019, ông Hồ Văn X, ông Lê Văn P và bà Nguyễn Thị N2 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H) tố giác hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của Lâm Thanh Q.

Sau khi tiếp nhận tố giác, Cơ quan Công an đã tiến hành xác minh, truy tìm đối với Lâm Thanh Q. Đến ngày 25/9/2025, Cơ quan CSĐT Công an Thành phố H đã phát hiện Lâm Thanh Q đang lẩn trốn tại tỉnh Đồng Nai nên đã đưa về làm việc. Tại Cơ quan CSĐT Công an Thành phố H, Lâm Thanh Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. (BL: 78-80).

Tại bản Cáo trạng số: 83/CT-VKS-KV12 ngày 22/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12-Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Lâm Thanh Q về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) (sau đây viết tắt là BLHS năm 1999).

* Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, xử lý vật chứng: Không có

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 82/2026/HS-ST ngày 03 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 12, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lâm Thanh Q phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 140, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 BLHS; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; xử phạt bị cáo Lâm Thanh Q 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt để thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Kháng cáo: Ngày 12-4-2026, bị cáo Lâm Thanh Q có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Lâm Thanh Q vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Bị cáo có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, hợp lệ, đảm bảo các điều kiện theo quy định pháp luật nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo là đúng người và đúng tội, mức án đã tuyên là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, tuy nhiên các tài liệu này không có căn cứ để xem xét cho bị cáo được hưởng án treo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức án đã tuyên theo Bản án số: 82/2026/HSST ngày 03 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong lời nói sau cùng tại phiên tòa, bị cáo đã bày tỏ sự ăn năn, hối cải đối với hành vi phạm tội của mình, mong Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo do bị cáo tuổi đã cao, mắc nhiều bệnh lý, phải điều trị và sử dụng thuốc hằng ngày, điều kiện sinh hoạt gặp nhiều khó khăn; nếu được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, bị cáo sẽ có điều kiện chăm sóc gia đình và tiếp tục điều trị bệnh. Bị cáo cam kết nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật, tích cực sửa chữa sai lầm và không tái phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị cáo nộp trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định của pháp luật về chủ thể kháng cáo, hình thức và nội dung đơn kháng cáo. Do vậy, kháng cáo của bị cáo là hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Từ đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Trong khoảng thời gian từ tháng 4 năm 2017 đến tháng 6 năm 2017, bị cáo là cán bộ được giao nhiệm vụ tham gia công tác giải phóng mặt bằng dự án tại xã T, huyện T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Tại thời điểm này, bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của các bị hại đối với mình, nhiều lần vay tiền của những người này với tổng số tiền là 120.000.000 đồng. Sau

khi nhận tiền, bị cáo sử dụng vào mục đích bất hợp pháp (đánh bạc, chơi lô đề), dẫn đến không có khả năng thanh toán, sau đó bỏ trốn nhằm chiếm đoạt tài sản.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đồng thời là người hiểu biết pháp luật; nhận thức rõ hành vi của mình là gây nguy hiểm cho xã hội, giá trị số tiền mà bị cáo chiếm đoạt đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương; đồng thời là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tệ nạn và vi phạm pháp luật khác.

Đối với việc áp dụng pháp luật, do hành vi phạm tội xảy ra trước thời điểm BLHS năm 2015 có hiệu lực, nên áp dụng BLHS năm 1999 theo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội, quy định tại Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 140 BLHS năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo với lý do khi vay tiền, bị cáo nhận thấy vẫn có khả năng trả nợ sau khi hoàn thành công tác, sau đó gia đình rơi vào hoàn cảnh khó khăn, túng thiếu, phải bán nhà để trả nợ ngân hàng, nghỉ việc giữa chừng nên chưa kịp trả nợ chứ không cố ý phạm tội nhiều lần; bị cáo đã viết giấy vay nợ cho các bị hại, việc đi thuê nhà nơi khác và không liên lạc với các bị hại là do chưa có tiền trả chứ không cố ý bỏ trốn để chiếm đoạt. Bị cáo có nộp thêm các tài liệu, chứng cứ mới liên quan đến yêu cầu kháng cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét về việc bị cáo phạm tội nhiều lần nên áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999; bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động người thân bồi thường, khắc phục hậu quả, bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999; mục 5.c Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để xử phạt bị cáo 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo có cung cấp thêm các tài liệu, chứng cứ nhằm xác nhận nơi cư trú, xác nhận tình trạng sức khỏe; đồng thời, bị cáo đề nghị không áp

dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội nhiều lần”; từ đó, bị cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, trong khoảng thời gian từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2017, bị cáo Q đã lợi dụng sự tin tưởng của các bị hại, thực hiện hành vi vay tiền 04 lần với những bị hại khác nhau, số tiền mỗi lần vay đều hơn 4.000.000 đồng, sử dụng tiền vay được vào mục đích bất hợp pháp, bỏ trốn nhằm chiếm đoạt tài sản. Bị cáo đã thực hiện 04 lần phạm tội trở lên đối với một tội phạm mà mỗi lần phạm tội đều có đủ yếu tố cấu thành tội phạm nhưng chưa có lần nào bị truy cứu trách nhiệm hình sự và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Do đó, cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội nhiều lần” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Như vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo không đủ điều kiện để được hưởng án treo. Đối với các tài liệu, chứng cứ liên quan đến địa chỉ cư trú thì thấy không đủ căn cứ xác định bị cáo có nơi tạm trú hoặc thường trú có địa chỉ được xác định cụ thể, sinh sống thường xuyên nên cũng không đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định pháp luật. Đối với các tài liệu, chứng cứ liên quan đến tình trạng sức khỏe của bị cáo thì thấy không thuộc trường hợp bệnh hiểm nghèo, nguy hiểm đến tính mạng và khó có phương thức chữa trị nên không phát sinh tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định của pháp luật. Mặt khác, trên cơ sở đánh giá phù hợp với tính chất hành vi, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội gây ra nhưng cũng đảm bảo sự khoan hồng của pháp luật, Bản án sơ thẩm đã quyết định mức hình phạt phù hợp với bị cáo Q. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021, 2025).

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lâm Thanh Q, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 82/2026/HS-ST ngày 03 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; điểm d khoản 2 Điều 140, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); mục 5.c Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lâm Thanh Q phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lâm Thanh Q 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 26/9/2025 đến ngày 17/12/2025.

2. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bị cáo Lâm Thanh Q phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. HCM;
- Công an TP. HCM;
- TAND Khu vực 12, TP. HCM ;
- VKSND Khu vực 12, TP. HCM ;
- THADS TP. HCM
(Phòng THADS Khu vực 12);
- Bị cáo;
- Lưu: VT, THS, hồ sơ vụ án (01).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Vui